

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83,  
Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy  
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và  
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 272/2020/HNST ngày 05  
tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những  
người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số 376/11 đường H, Khu phố  
M, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện C,  
tỉnh T.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị P qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự  
nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2007  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã G,  
huyện H, tỉnh I ngày 07/03/2007).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu  
thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng  
nói chung nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể  
hàn gắn được. Mặc dù ông bà đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả.  
Vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của  
nhau từ năm 2018 đến nay.

Ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị P có một con chung là trẻ Nguyễn Quốc B, sinh ngày 23/09/2007.

Sau khi ly hôn ông H và bà P thỏa thuận giao con chung cho ông H chăm sóc và nuôi dưỡng, bà P không cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị P xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị P chịu lệ phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị P thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh I ngày 07/03/2007).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị P có một con chung là trẻ Nguyễn Quốc B, sinh ngày 23/09/2007.

Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị P thỏa thuận giao con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà P không cấp dưỡng nuôi con.

Bà P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị P xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị P chịu lệ phí sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032573 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thom).

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Sương**